

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 222/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 – 10 - 2019  
V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đức Thị Minh Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí.

Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa:*** Bà Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 224/2019/TLST – HNGĐ ngày 13/02/2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2019’ Quyết định hoãn phiên tòa số 294/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019 và thông báo về việc dời ngày xét xử số 342/TB-TA ngày 01/10/2019 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Chu Thị T, sinh năm 1974.

***- Bị đơn:*** Ông Hồ Hoàng V, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp H, xã Ph, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có mặt còn ông V vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại các bản tự khai, phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa của bà Chu Thị T thì bà và ông Hồ Hoàng V xây dựng gia đình với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hưng, huyện Long Thành (nay thuộc TP. Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu và có được với nhau 02 người con chung, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không còn hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông V không tôn trọng và thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà và gia đình. Vì không muốn gia đình đổ vỡ, bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm để vợ chồng tiếp tục cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng trở lên trầm trọng. Mặc dù bà và ông V vẫn cùng chung sống một nhà nhưng khoảng hơn 01 năm nay, bà và ông V mạnh ai lấy

sống, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông V để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Hồ Hoàng H, sinh ngày 13/3/1999 và Hồ Nhật B, sinh ngày 05/10/2002. Ly hôn bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động; tạm thời bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn - ông Hồ Hoàng V đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng để đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.**

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Chu Thị T; Về con chung: Giao cháu Hồ Nhật B, sinh ngày 05/10/2002 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không buộc ông V phải cấp dưỡng cho con chung. Đối với cháu Hồ Hoàng H, sinh ngày 13/3/1999, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Vì chưa lấy được lời khai của ông V nên không có căn cứ xác định lời khai của bà T là đúng, do vậy đề nghị tách phần tài sản chung và nợ chung của bà T và ông V để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này cả bên đương sự có yêu cầu; Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hồ Hoàng V hiện cư trú tại địa bàn TP. Biên Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Hồ Hoàng V đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng ông V đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ theo qui định tại các Điều 207 và 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt ông V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông V xây dựng gia đình với nhau vào năm vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hưng, huyện Long Thành (nay thuộc TP. Biên Hòa), tỉnh Đồng Nai trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cương quyết xin ly hôn với ông V để trả tự

do cho nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V đã xảy ra trong khoảng thời gian dài, thường xuyên xảy ra xung đột, mặc dù vẫn chung sống một nhà nhưng mạnh ai lấy sống, không ai còn quan tâm đến ai nữa (theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 27/5/2019). Bản thân ông V cũng không có ý hòa giải, hàn gắn cuộc sống vợ chồng điều này thể hiện qua việc ông V đã không đến tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông V là có thật và đã thật sự trầm trọng, có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải cũng không đạt kết quả.

Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà Tâm được ly hôn ông V.

[4] Về con chung: Bà T và ông V có 02 con chung tên là Hồ Hoàng H, sinh ngày 13/3/1999 và Hồ Nhật B, sinh ngày 05/10/2002. Ly hôn bà T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động; tạm thời bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy hiện bà T có công việc, thu nhập ổn định, bản thân cháu Hồ Nhật B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ (bản tự khai ngày 04/5/2019) nên căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu Hồ Nhật B, sinh ngày 05/10/2002 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Hồ Hoàng H, sinh ngày 13/3/1999, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Vì chưa lấy được lời khai của ông V nên không có căn cứ xác định lời khai của bà T là đúng. Do vậy, căn cứ theo qui định của pháp luật và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, tách phần tài sản chung và nợ chung giữa bà T, ông V để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này có yêu cầu.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Chu Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị T được ly hôn với ông Hồ Hoàng V.

Về con chung: Giao cháu Hồ Nhật B, sinh ngày 05/10/2002 cho bà Tâm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Hồ Hoàng H, sinh ngày 13/3/1999, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Chu Thị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003907 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

***Nơi nhận***

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đức Thị Minh Thu**

Hội thẩm nhân dân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nơi nhận**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Quyên**

